

**CÔNG TY TNHH BIO-MASK**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BIO-MASK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BIO-MASK COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109301855

**3. Ngày thành lập:** 11/08/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 128 Kim Anh, Xã Thanh Xuân, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Trồng lúa                                                                                              | 0111        |
| 2.  | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác                                                                | 0112        |
| 3.  | Trồng cây lấy củ có chất bột                                                                           | 0113        |
| 4.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                                                   | 0118        |
| 5.  | Trồng cây hàng năm khác                                                                                | 0119        |
| 6.  | Trồng cây ăn quả                                                                                       | 0121        |
| 7.  | Trồng cây lấy quả chứa dầu                                                                             | 0122        |
| 8.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                | 0128        |
| 9.  | Trồng cây lâu năm khác                                                                                 | 0129        |
| 10. | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                    | 0131        |
| 11. | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                                     | 0132        |
| 12. | Sản xuất sợi                                                                                           | 1311        |
| 13. | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                | 1313        |
| 14. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                | 1391        |
| 15. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                 | 1392        |
| 16. | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                 | 1399        |
| 17. | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng                            | 3250(Chính) |
| 18. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá, môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm) | 4610        |
| 19. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(trừ loại nhà nước cấm)      | 4620        |
| 20. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                         | 4631        |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                  | 4632 |
| 22. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                | 4641 |
| 23. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                  | 4649 |
| 24. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn trang thiết bị y tế                                      | 4659 |
| 25. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ các loại nhà nước cấm)                                                                                    | 4690 |
| 26. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                   | 4721 |
| 27. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                    | 4722 |
| 28. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                     | 4751 |
| 29. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                    | 4771 |
| 30. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ trang thiết bị y tế  | 4772 |
| 31. | Giáo dục tiểu học                                                                                                                   | 8521 |
| 32. | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                                            | 8522 |
| 33. | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                                        | 8523 |
| 34. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                      | 8531 |
| 35. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                   | 8532 |
| 36. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>( Trừ hoạt động của các trường Đảng, đoàn thể và hoạt động dạy về tôn giáo)                 | 8559 |
| 37. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                             | 8560 |
| 38. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: ĐỖ VIỆT HÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 08/09/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001182000523

Ngày cấp: 26/04/2013

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *P207 – C4, Khu đô thị Mỹ Đình I, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P207 – C4, Khu đô thị Mỹ Đình I, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội